

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 29/02/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/03/2023, mã số doanh nghiệp 0102662098.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND.

Số lượng cổ phần: 10.000.000 cổ phần.

Mệnh giá: 10.000 VND.

Mã chứng khoán: SIG

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 2, tòa nhà cao tầng hỗn hợp CT4 – KĐT Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
------------------	----------------

Ông Phan Đình Toại

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Khắc Sơn

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Bá Viện

Thành viên HĐQT

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
------------------	----------------

Ông Nguyễn Bá Quyết

Trưởng ban kiểm soát

Bà Phan Thị Thanh Nga

Thành viên ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Bé

Thành viên ban kiểm soát

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
------------------	----------------

Ông Phan Đình Toại

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Viện

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Sơn

Phó Tổng Giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phan Đình Toại - Tổng Giám đốc.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.





Số: 2102.1/2024/BCTC/IAV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại mục 5.6 – “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”, Công ty đang theo ghi nhận chi phí Công trình mỏ đá nhà máy xi măng Công Thanh. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán, tuy nhiên không thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của khoản mục này (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh 5.2 “Phải thu khách hàng” trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu khách hàng chậm luân chuyển tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 do Khách hàng chưa nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng sẽ thu hồi được những khoản công nợ chậm luân chuyển khi Khách hàng nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm ngày 31/03/2023.



**Dương Văn Thiệu**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5353-2020-283-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**Nguyễn Phương Thúy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.680.917.989</b>	<b>179.106.060.866</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.442.733.181</b>	<b>3.531.234.731</b>
1. Tiền	111		2.442.733.181	3.531.234.731
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>12.125.990.169</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.9	-	12.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(574.009.831)
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>102.306.517.784</b>	<b>136.493.904.030</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	62.727.601.796	86.269.495.139
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.704.513.068	9.925.081.534
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	190.392.783	190.392.783
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	45.735.428.976	51.702.349.421
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.051.418.839)	(11.593.414.847)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.564.899.954</b>	<b>24.602.420.565</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	25.564.899.954	24.602.420.565
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.366.767.070</b>	<b>2.352.511.371</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	176.042.663	303.717.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.036.497.316	1.894.566.672
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	154.227.091	154.227.091
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>657.777.762.303</b>	<b>653.474.543.904</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	30.000.000	230.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	20.000.000	20.000.000
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>643.276.913.788</b>	<b>641.052.125.928</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	643.276.913.788	641.052.125.928
- Nguyên giá	222		783.176.178.448	744.775.889.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.899.264.660)	(103.723.763.129)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>133.769.726</b>	<b>130.769.726</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	133.769.726	130.769.726
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>8.204.252.434</b>	<b>7.617.467.486</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.204.252.434	7.617.467.486
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.112.826.355</b>	<b>4.424.180.764</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.312.343.776	37.312.948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.800.482.579	4.386.867.816
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>792.458.680.292</b>	<b>832.580.604.770</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>518.844.864.116</b>	<b>558.487.747.220</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>132.828.254.326</b>	<b>177.382.809.271</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	58.729.063.061	59.296.461.309
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61.847.494	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.161.982.731	8.213.353.883
4. Phải trả người lao động	314		3.865.879.803	3.981.591.789
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	13.099.720.228	15.780.467.293
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	26.456.473.716	25.824.778.841
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	28.112.000.000	63.790.868.863
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		341.287.293	495.287.293
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>386.016.609.790</b>	<b>381.104.937.949</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	17.811.887.939	29.252.838.571
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	368.204.721.851	351.852.099.378
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>273.613.816.176</b>	<b>274.092.857.550</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>273.613.816.176</b>	<b>274.092.857.550</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(82.636.364)	(82.636.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.171.496.556	27.171.496.556
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.403.754.786	34.403.754.786
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.063.585.591	5.631.484.298
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.780.845.423	19.848.119.644
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.470.199.455	11.623.970.409
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.689.354.032)	8.224.149.235
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		92.276.770.184	87.120.638.630
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>792.458.680.292</b>	<b>832.580.604.770</b>



Phan Đình Toại  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Phan Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyền  
Người lập biểu



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	90.754.213.886	111.228.549.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.754.213.886	111.228.549.631
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	44.010.135.707	47.332.874.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.744.078.179	63.895.674.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	105.127.234	325.651.009
7. Chi phí tài chính	22	6.4	39.545.596.199	35.732.115.560
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.545.596.199	35.158.105.729
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(306.903.757)	22.311.501
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.981.934.529	11.543.465.330
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(985.229.072)	16.968.056.331
12. Thu nhập khác	31	6.6	628.293.337	490.000.001
13. Chi phí khác	32	6.7	348.789.921	475.023.837
14. Lợi nhuận khác	40		279.503.416	14.976.164
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(705.725.656)	16.983.032.495
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	658.925.584	1.098.892.667
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		152.315.462	148.383.571
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.516.966.702)	15.735.756.257
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		(3.689.354.032)	8.224.149.235
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		2.172.387.330	7.511.607.022
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(369)	822
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(369)	822



Phan Đình Toại  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Phan Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyền  
Người lập biểu



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(705.725.656)	16.983.032.495
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	28.708.119.879	20.684.011.393
- Các khoản dự phòng	03	(1.116.005.839)	452.192.156
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(718.763.598)	(815.651.009)
- Chi phí lãi vay	06	39.545.596.199	35.158.105.729
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65.713.220.985	72.461.690.764
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	31.597.451.610	35.139.250.130
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(962.479.389)	21.864.405.394
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.661.055.572)	(28.955.810.113)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.147.355.883)	(156.168.042)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(7.700.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.616.297.841)	(34.771.839.767)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(1.229.518.318)	(3.141.215.982)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(130.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>45.693.965.592</b>	<b>54.610.212.384</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.000.000)	(32.581.555.231)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	613.636.364	490.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(32.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.190.000.000	39.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.127.234	325.651.009
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.905.763.598</b>	<b>(24.765.904.222)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(theo phương pháp gián tiếp)

Chi tiêu	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.938.595.000	31.160.872.440
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.502.841.390)	(73.374.908.364)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(123.984.350)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(48.688.230.740)</b>	<b>(42.214.035.924)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.088.501.550)</b>	<b>(12.369.727.762)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.531.234.731</b>	<b>15.900.962.493</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.442.733.181</b>	<b>3.531.234.731</b>



Phan Đình Toại  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Phan Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyền  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 29/02/2008 so Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thay đổi lần 12 cấp ngày 30/03/2023, mã số doanh nghiệp 0102662098.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 12 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 2, toà nhà cao tầng hỗn hợp CT4 – KĐT Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### 1.2 Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 29 người, tại ngày 31/12/2022 là 30 người.

#### 1.3 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh khảo sát xây dựng, thiết kế thi công công trình, sản xuất điện.

#### 1.4 Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát xây dựng;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp công trình ngầm và mỏ, công trình xây dựng cầu đường, công trình thủy lợi, thủy điện hạ tầng kỹ thuật;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện;
- Thi công gia cố và xử lý nền móng công trình;
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị khảo sát dân dụng, công nghiệp.

#### 1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.6 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



1.7 Cấu trúc của công ty

Công ty con

Tên công ty	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn
Công ty CP Thủy điện Sodic Điện Biên	120.000.000.000	Bản Huổi Lốt 1, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,92%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thanh Hà - Hà Giang	22.000.000.000	Số 240 đường Trần Phú, tổ 5, Phường Trần Phú, Thành Phố Hà Giang, Hà Giang	Xây dựng nhà các loại	60,00%
Công ty TNHH Thủy điện Sodic Nậm Mu 2	117.390.000.000	Bản Huổi Lốt 1, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	51,64%
Công ty TNHH Phát triển Điện Lai Châu	80.000.000.000	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Sản xuất điện	60,00%
Công ty TNHH MTV Thủy điện Mô Phi	150.000.000.000	Số nhà 21, đường Trần Đăng Ninh, tổ dân phố 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	100,00%
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Anh	5.000.000.000	Tầng 2 - Tòa nhà cao tầng hỗn hợp CT4 - Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất điện	80,00%
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Hưng	5.000.000.000	Tầng 2 - Tòa nhà cao tầng hỗn hợp CT4 - Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất điện	90,00%
Công ty TNHH Năng lượng sạch Nam Phát	5.000.000.000	Tầng 2 - Tòa nhà cao tầng hỗn hợp CT4 - Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất điện	64,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn
Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	15.000.000.000	Bản Huổi Lốt, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Xây dựng công trình	40,80%
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Huy	5.000.000.000	Tầng 2, CT4 – KĐT Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	50,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

##### Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

##### Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con) được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ.

Các số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Khi Công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: Khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: Khoản đầu tư còn lại được trình bày theo phương pháp giá gốc và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên



tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.4 Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với các dự án bất động sản: giá gốc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng, chi phí xây dựng;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Đối với các dự án bất động sản: được xác định theo phương pháp đích danh.
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Công ty đang áp dụng khấu hao nhanh 2 lần đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

#### **4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ và chi phí cải tạo hội trường đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **4.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **4.13 Doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng: làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

#### *Doanh thu kinh doanh bất động sản*

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao bất động sản.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.



Công ty cổ phần Thủy điện Sodic Điện Biên, Công ty Cổ phần Thủy điện Sodic Nậm Mu 2 thuộc Nhóm Công ty đang tự xác định được miễn thuế 04 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 và Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### **4.15 Công cụ tài chính**

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### **4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### 4.17 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.543.233.403	1.469.950.842
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	899.499.778	2.061.283.889
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.442.733.181</b>	<b>3.531.234.731</b>



5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>207.045.450</b>	-	<b>230.755.848</b>	-
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Huy	207.045.450	-	202.944.968	-
Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	-	-	27.810.880	-
<b>Các bên khác</b>	<b>62.520.556.346</b>	<b>(11.051.418.839)</b>	<b>86.038.739.291</b>	<b>(11.593.414.847)</b>
Ban điều hành thủy điện XK3 (*)	15.104.536.922	(6.406.813.384)	15.104.536.922	(6.406.813.384)
Ban điều hành DA thủy điện Đồng Nai 5	302.501.022	-	5.557.418.975	-
Công ty CP Sông Đà 4	-	-	-	-
Hoay Kapheu Power Sole Co.,Ltd	4.913.269.974	-	4.913.269.974	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.480.075.062	-	7.329.329.752	-
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	1.800.000.000	-	10.179.598.280	-
Các đối tượng khác	24.920.173.366	(4.644.605.455)	42.954.585.388	(5.186.601.463)
<b>Cộng</b>	<b>62.727.601.796</b>	<b>(11.051.418.839)</b>	<b>86.269.495.139</b>	<b>(11.593.414.847)</b>

(\*) Các khoản công nợ chậm luân chuyển trong năm. Ban Giám đốc đánh giá có đủ cơ sở thu hồi và không cần trích lập dự phòng do theo điều kiện của các hợp đồng quy định khách hàng được thanh toán từ chủ đầu tư mới thanh toán cho Công ty.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>4.704.513.068</b>	-	<b>9.925.081.534</b>	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Công nghệ Viễn thông	-	-	3.660.734.653	-
Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	157.497.900	-	157.497.900	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghệ cao G8	-	-	4.513.766.100	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghiệp Victory	3.000.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.547.015.168	-	1.593.082.881	-
<b>Cộng</b>	<b>4.704.513.068</b>	-	<b>9.925.081.534</b>	-

5.4 Phải thu về cho vay

5.4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>190.392.783</b>	-	<b>190.392.783</b>	-
Công ty CP Điện Việt Lào	190.392.783	-	190.392.783	-
<b>Cộng</b>	<b>190.392.783</b>	-	<b>190.392.783</b>	-

5.4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên khác</b>	<b>30.000.000</b>	-	<b>230.000.000</b>	-
Công ty CP Bất động sản Đồng Phát	-	-	200.000.000	-
Ông Bùi Đình Ảnh	30.000.000	-	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	-	<b>230.000.000</b>	-

5.5 Phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>19.861.072.963</b>	-	<b>20.167.518.483</b>	-
Công ty CP kỹ thuật và xây dựng Sông Đà	612.000.000	-	612.000.000	-
Ông Phan Đình Toại	19.249.072.963	-	19.555.518.483	-
<b>Các bên khác</b>	<b>25.874.356.013</b>	-	<b>31.534.830.938</b>	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	990.000.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	19.491.222.534	-	22.374.584.568	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Năng lượng An Xuân (i)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Lương Mạnh Hùng (ii)	-	-	1.377.020.000	-
Các khoản khác	1.383.133.479	-	1.793.226.370	-
<b>Cộng</b>	<b>45.735.428.976</b>	-	<b>51.702.349.421</b>	-

(i) Phản ánh khoản phải thu của Công ty CP Năng lượng An Xuân liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà sở hữu tại Công ty CP Thủy điện Phúc Long theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0905/2019/HĐCN ngày 09/05/2019. Giá chuyển nhượng: 8.000.000.000 VND (tương đương 10,00% vốn điều lệ). Tại ngày 31/12/2021, số dư phải thu của Công ty CP Năng lượng An Xuân: 5.000.000.000 VND.



(ii) Phản ánh khoản phải thu của ông Lương Mạnh Hùng theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/2022/HĐCNCP.SODIC ngày 10/12/2022, Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà chuyển nhượng cho Ông Lương Mạnh Hùng phần vốn góp tại Công ty cổ Phần Thủy điện Sodic Điện Biên, giá chuyển nhượng: 1.377.020.000 VND (tương đương 1,15% vốn điều lệ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu ông Lương Mạnh Hùng: 1.377.020.000 VND.

#### 5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>20.000.000</b>	-	<b>20.000.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000</b>	-	<b>20.000.000</b>	-

#### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.564.899.954	-	24.602.420.565	-
<b>Cộng</b>	<b>25.564.899.954</b>	-	<b>24.602.420.565</b>	-

#### Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công trình Mỏ đá nhà máy xi măng Công Thanh	14.916.433.929	14.916.433.929
Công trình Mùn Chung 2	586.033.869	-
Công trình Mường Tùng, Mường Pồn, Mô phi, Nậm Pồ 3	559.746.121	559.746.121
Công trình Hà Giang	120.543.022	120.543.022
Dự án Khu dân cư đô thị mới Phương Thiện	9.374.768.011	8.998.322.491
Các dự án khác	7.375.002	7.375.002
<b>Cộng</b>	<b>25.564.899.954</b>	<b>24.602.420.565</b>

#### 5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>133.769.726</b>	<b>130.769.726</b>
Chi phí khác	133.769.726	130.769.726
<b>Cộng</b>	<b>133.769.726</b>	<b>130.769.726</b>



5.8 Chi phí trả trước

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.566.830	102.055.564
Chi phí mua bảo hiểm	153.475.833	201.662.044
<b>Cộng</b>	<b>176.042.663</b>	<b>303.717.608</b>

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.454.679	35.399.303
Các khoản khác	1.291.889.096	1.913.645
<b>Cộng</b>	<b>1.312.343.776</b>	<b>37.312.948</b>





Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ lợi ích %	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ lợi ích %
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>8.620.000.000</b>		<b>7.620.000.000</b>	
Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	6.120.000.000	40,80%	6.120.000.000	40,80%
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Huy	2.500.000.000	50,00%	1.500.000.000	30,00%
<b>Cộng</b>	<b>8.620.000.000</b>		<b>7.620.000.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

5.10	Tăng, giảm TSCĐ hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
Số dư tại 01/01/2023	423.454.951.585	303.230.614.162	5.299.936.907	353.200.000	12.437.186.403	744.775.889.057	40.045.104.664
Tăng do hợp nhất Thanh lý, nhượng bán	-	(1.112.727.273)	(532.088.000)	-	-	(1.644.815.273)	
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>423.454.951.585</b>	<b>302.117.886.889</b>	<b>4.767.848.907</b>	<b>353.200.000</b>	<b>52.482.291.067</b>	<b>783.176.178.448</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>							
Số dư tại 01/01/2023	26.441.307.074	69.684.616.050	4.879.069.393	217.675.466	2.501.095.146	103.723.763.129	28.708.119.879
Khấu hao trong năm Tăng do sáp nhập Thanh lý, nhượng bán	11.096.608.552	11.874.908.676	181.553.268	36.166.668	5.518.882.715	9.112.196.925	(1.644.815.273)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>37.537.915.626</b>	<b>80.446.797.453</b>	<b>4.528.534.661</b>	<b>253.842.134</b>	<b>17.132.174.786</b>	<b>139.899.264.660</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Số dư tại 01/01/2023	397.013.644.511	233.545.998.112	420.867.514	135.524.534	9.936.091.257	641.052.125.928	
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>385.917.035.959</b>	<b>221.671.089.436</b>	<b>239.314.246</b>	<b>99.357.866</b>	<b>35.350.116.281</b>	<b>643.276.913.788</b>	

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31 tháng 12 năm 2023 là 630.598.977.989 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 649.112.982.154 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2023 là 41.437.731.216 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 42.550.458.489 VND.



5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>17.420.261.106</b>	<b>17.420.261.106</b>	<b>17.448.071.986</b>	<b>17.448.071.986</b>
Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà Sodic	17.420.261.106	17.420.261.106	17.448.071.986	17.448.071.986
<b>Các bên khác</b>	<b>41.308.801.955</b>	<b>41.308.801.955</b>	<b>41.848.389.323</b>	<b>41.848.389.323</b>
Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	10.117.660.130	10.117.660.130	10.287.043.236	10.287.043.236
Công ty CP Sông Đà 3	12.106.934.495	12.106.934.495	12.106.934.495	12.106.934.495
Công ty BFL India	3.311.890.470	3.311.890.470	4.480.890.470	4.480.890.470
Công ty CP TV và XD Công trình Thủy lợi Thủy điện	2.524.157.396	2.524.157.396	3.124.157.396	3.124.157.396
Phải trả cho các đối tượng khác	13.248.159.464	13.248.159.464	11.849.363.726	11.849.363.726
<b>Cộng</b>	<b>58.729.063.061</b>	<b>58.729.063.061</b>	<b>59.296.461.309</b>	<b>59.296.461.309</b>

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí phải trả các công trình	12.080.477.344	15.171.494.972
Chi phí lãi vay	112.939.964	352.658.318
Chi phí trích trước khác	906.302.920	256.314.003
<b>Cộng</b>	<b>13.099.720.228</b>	<b>15.780.467.293</b>

5.13 Phải trả khác

5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>26.456.473.716</b>	<b>26.456.473.716</b>	<b>25.824.778.841</b>	<b>25.824.778.841</b>
Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodic	1.449.500.000	1.449.500.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Kinh phí công đoàn	49.209.984	49.209.984	56.039.086	56.039.086
Tiền bảo hiểm	111.922.532	111.922.532	41.521.400	41.521.400
Lãi vay phải trả dự án Mùn Chung	-	-	169.016.712	169.016.712
Phải trả về cổ tức	3.158.372.446	3.158.372.446	3.473.617.146	3.473.617.146
Lãi vay phải trả	922.567.231	922.567.231	753.550.519	753.550.519
Phải trả khác	20.764.901.523	20.764.901.523	18.731.033.978	18.731.033.978
<b>Cộng</b>	<b>26.456.473.716</b>	<b>26.456.473.716</b>	<b>25.824.778.841</b>	<b>25.824.778.841</b>

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>6.408.200.000</b>	<b>6.408.200.000</b>	<b>10.408.200.000</b>	<b>10.408.200.000</b>
Ông Nguyễn Khắc Sơn - Hợp tác kinh doanh	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Phan Đình Toại - Hợp tác kinh doanh (i)	6.408.200.000	6.408.200.000	6.408.200.000	6.408.200.000
Công ty TNHH Năng lượng Sạch Nam Phát (ii)	-	-	1.092.000.000	1.092.000.000
<b>Các bên khác</b>	<b>11.403.687.939</b>	<b>11.403.687.939</b>	<b>17.752.638.571</b>	<b>17.752.638.571</b>
Bà Phan Thị Thanh Nga	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Bà Phạm Thị Bé	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Thuận Hòa 1 (ii)	460.000.000	460.000.000	460.000.000	460.000.000
Công ty Thuận Bắc (ii)	370.000.000	370.000.000	370.000.000	370.000.000
Công ty TNHH Năng lượng A&D (ii)	87.790.608	87.790.608	418.638.571	418.638.571
Công ty TNHH Năng lượng Sạch Minh Phát (ii)	1.882.000.000	1.882.000.000	1.912.000.000	1.912.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Sạch Hưng Phú (ii)	3.537.000.000	3.537.000.000	3.562.000.000	3.562.000.000
Công ty TNHH HPF Việt Nam (ii)	2.502.897.331	2.502.897.331	2.160.000.000	2.160.000.000
Công ty TNHH NLS Ánh Dương (ii)	2.564.000.000	2.564.000.000	2.602.000.000	2.602.000.000
Nguyễn Bá Viện (iii)	-	-	2.268.000.000	2.268.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.811.887.939</b>	<b>17.811.887.939</b>	<b>29.252.838.571</b>	<b>29.252.838.571</b>

(i) Các khoản phải trả bao gồm:

- Theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐQT ngày 06/03/2018 về việc nhận ủy thác vốn đầu tư, số tiền nhận ủy thác đầu tư 5.000.000.000 VND sẽ được dùng để đầu tư vào Công ty cổ phần thủy điện Phúc Long để thực hiện đầu tư dự án thủy điện Phước Long;

- Biên bản bù trừ công nợ ba bên giữa Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà, Công ty CP Cơ điện Sông Đà Sodici và ông Phan Đình Toại ngày 31/12/2021. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Sông Đà phải trả cho ông Phan Đình Toại với số tiền: 5.414.000.000 VND. Số tiền trên được gán trừ công nợ với khoản phải thu ông Phan Đình Toại theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/HĐCNCP.SODIC ngày 10/12/2022 giá chuyển nhượng 4.005.800.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải trả cho ông Phan Đình Toại là: 1.408.200.000 VND.

(ii) Phản ánh các hợp đồng hợp tác hỗ trợ tài chính với lãi suất hỗ trợ: 0%/năm (lãi cố định trong suốt thời gian mượn); thời hạn mượn: 03 năm, kể từ ngày nhận tiền; mục đích: mượn bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động SXKD trong công ty; biện pháp bảo đảm: tín chấp.

(iii) Phản ánh khoản phải trả cho ông Nguyễn Bá Viện theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/2022/HĐCN ngày 05/07/2022. Giá chuyển nhượng là 3.200.000.000 VND. Số tiền được bù gán trừ công nợ với khoản phải thu ông Nguyễn Bá Viện theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2022/HĐCNCP.SODIC ngày 10/12/2022, giá chuyển nhượng là 932.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải trả cho ông Nguyễn Bá Viện là: 2.268.000.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	979.066.168	11.708.918.530	6.431.643.466	-	6.256.341.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	662.225.825	1.229.518.318	709.115.374	-	1.182.628.769
Thuế thu nhập cá nhân	-	320.803.342	37.442.237	88.992.069	-	269.253.510
Thuế tài nguyên	-	199.887.396	6.510.518.589	6.205.275.613	-	505.130.372
Các loại thuế khác	154.227.091	-	-	-	154.227.091	-
<b>Cộng</b>	<b>154.227.091</b>	<b>2.161.982.731</b>	<b>19.486.397.674</b>	<b>13.435.026.522</b>	<b>154.227.091</b>	<b>8.213.353.883</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, với hoạt động cho thuê bất động sản là 10%. Thuế suất thuế giá trị gia tăng hàng tiêu thụ trong nước là 10% (từ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30/06/2023) và 8% (từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023).

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	VND	VND	năng trả nợ
5.15 Vay và nợ thuế tài chính						
5.15.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	34.290.868.863	34.290.868.863	34.290.868.863
<i>Các bên khác</i>	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàng Mai (i)	-	-	-	34.290.868.863	34.290.868.863	34.290.868.863
<b>b. Vay dài hạn đến hạn trả</b>	28.112.000.000	28.112.000.000	21.112.000.000	22.500.000.000	29.500.000.000	-
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	28.112.000.000	28.112.000.000	21.112.000.000	22.500.000.000	29.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.512.000.000	1.512.000.000	1.512.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	26.600.000.000	26.600.000.000	19.600.000.000	22.500.000.000	29.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.112.000.000</b>	<b>28.112.000.000</b>	<b>21.112.000.000</b>	<b>56.790.868.863</b>	<b>63.790.868.863</b>	<b>34.290.868.863</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

- 
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.
  - b. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/5000517/HĐĐA ngày 18/09/2015 và Biên bản thỏa thuận làm việc ba bên giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên, Công ty CP Thủy điện Sodic Điện Biên và Công ty TNHH Thủy điện Sodic Nậm Mu 2 ký ngày 08/11/2019. Theo Biên bản thi Công ty TNHH Thủy điện Sodic Nậm Mu 2 tiếp tục quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng tín dụng trên và các phụ lục, văn bản sửa đổi:
    - Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
    - Mục đích vay: Để thanh toán các khoản đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Mu 2;
    - Lãi suất vay: Lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng tối đa 4,5%/năm;
    - Tài sản đảm bảo khoản vay: Quyền sử dụng đất ( trường hợp luật pháp cho phép) và các bất động sản khác của dự án, nhà máy, công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các tài sản, quyền tài sản (kể cả quyền theo các văn kiện dự án: Quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm; hợp đồng bán điện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu	Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu									
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng		
Số dư tại 01/01/2022	100.000.000.000	(82.636.364)	27.171.496.556	19.403.754.786	5.163.328.220	29.054.448.006	71.792.928.878	252.503.320.082		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	8.224.149.235	7.511.607.022	15.735.756.257		
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	192.003.080	192.003.080		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(191.260.350)	(191.260.350)		
Trích lập quỹ	-	-	-	15.000.000.000	468.156.078	(15.605.202.609)	-	(137.046.531)		
Tăng giảm do thay đổi tỷ lệ kiểm soát công ty con, công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	7.815.360.000	7.815.360.000		
Điều chỉnh bút toán năm trước	-	-	-	-	-	(1.611.604.776)	-	(1.611.604.776)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(213.670.212)	-	(213.670.212)		
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(82.636.364)</b>	<b>27.171.496.556</b>	<b>34.403.754.786</b>	<b>5.631.484.298</b>	<b>19.848.119.644</b>	<b>87.120.638.630</b>	<b>274.092.857.550</b>		
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	(82.636.364)	27.171.496.556	34.403.754.786	5.631.484.298	19.848.119.644	87.120.638.630	274.092.857.550		
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	(3.689.354.032)	2.172.387.330	(1.516.966.702)		
Tăng do hợp nhất thêm công ty con	-	-	-	-	-	(2.377.920.189)	2.983.744.224	605.824.035		
Trích lập quỹ	-	-	-	-	432.101.293	-	-	432.101.293		
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(82.636.364)</b>	<b>27.171.496.556</b>	<b>34.403.754.786</b>	<b>6.063.585.591</b>	<b>13.780.845.423</b>	<b>92.276.770.184</b>	<b>273.613.816.176</b>		

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số lượng <i>CP</i>	Giá trị <i>VND</i>	Tỷ lệ <i>%</i>	Số lượng <i>CP</i>	Giá trị <i>VND</i>	Tỷ lệ <i>%</i>
Ông Nguyễn Khắc Sơn	1.769.375	17.693.750.000	17,69%	1.769.375	17.693.750.000	17,69%
Ông Phan Đình Toại	6.480.112	64.801.120.000	64,80%	6.480.112	64.801.120.000	64,80%
Các cổ đông khác	1.750.513	17.505.130.000	17,51%	1.750.513	17.505.130.000	17,51%
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2023 <i>Cổ phiếu</i>	01/01/2023 <i>Cổ phiếu</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	42.800.000	21.812.292.397
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.396.099.951	8.051.458.758
Doanh thu bán điện	84.315.313.935	81.364.798.476
<b>Cộng</b>	<b>90.754.213.886</b>	<b>111.228.549.631</b>

**6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	-	1.993.363.296
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Huy	432.323.981	329.487.341
<b>Cộng</b>	<b>432.323.981</b>	<b>2.322.850.637</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	15.455.929.995
Giá vốn bán hàng, dịch vụ	4.382.758.392	4.320.147.582
Giá vốn bán điện	39.627.377.315	27.556.797.343
<b>Cộng</b>	<b>44.010.135.707</b>	<b>47.332.874.920</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2023</b> <i>VND</i>	<b>Năm 2022</b> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.127.234	325.651.009
<b>Cộng</b>	<b>105.127.234</b>	<b>325.651.009</b>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	39.545.596.199	35.158.105.729
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	574.009.831
<b>Cộng</b>	<b>39.545.596.199</b>	<b>35.732.115.560</b>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.921.171.412	11.087.455.766
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.060.763.117	456.009.564
<b>Cộng</b>	<b>7.981.934.529</b>	<b>11.543.465.330</b>

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	613.636.364	490.000.000
Các khoản khác	14.656.973	1
<b>Cộng</b>	<b>628.293.337</b>	<b>490.000.001</b>

6.7 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt	209.050.962	387.347.955
Các khoản khác	139.738.959	87.675.882
<b>Cộng</b>	<b>348.789.921</b>	<b>475.023.837</b>

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty mẹ	6.866.157	99.917.579
Công ty TNHH Thủy điện Sodic Nậm Mu 2	615.790.401	998.975.088
Các công ty khác	36.269.026	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>658.925.584</b>	<b>1.098.892.667</b>



6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3.689.354.032)	8.224.149.235
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(3.689.354.032)	8.224.149.235
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(369)</b>	<b>822</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(369)</b>	<b>822</b>

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch, số dư với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phan Đình Toại	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Viện	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Triệu Việt	Thành viên HĐQT
Ông Phan Đình Toại	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Nga	Thành viên Ban kiểm soát
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Cổ đông
Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Huy	Công ty liên kết

7.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Ông Phan Đình Toại	Chủ tịch	-	36.000.000	-
Ông Nguyễn Khắc Sơn	TV HĐQT	-	24.000.000	-
Ông Nguyễn Bá Viện	TV HĐQT	-	24.000.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>				
Ông Phan Đình Toại	TGD	384.659.347	385.144.844	-
Ông Nguyễn Bá Viện	P.TGD	291.331.689	297.740.547	-
Ông Nguyễn Khắc Sơn	P.TGD	18.657.719	295.449.688	-
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Ông Nguyễn Bá Quyết	Trưởng ban	196.240.730	105.701.286	-
Bà Phan Thị Thanh Nga	Thành viên	-	12.000.000	-
Bà Phạm Thị Bé	Thành viên	47.895.172	189.401.848	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>938.784.657</b>	<b>1.369.438.213</b>	<b>-</b>

### 7.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Sông Đà</b>		
Mua hàng	-	8.774.344.600
Thanh toán tiền hàng	-	14.451.263.577
Thu tiền bán hàng	-	3.400.000.000
Bù trừ công nợ	27.810.880	709.455.350
<b>Công ty TNHH Năng lượng sạch Phúc Huy</b>		
Doanh thu vận hành	432.323.981	-
Góp vốn	-	2.500.000.000
Thanh toán tiền bán hàng	466.992.094	10.697.579.578
<b>Ông Nguyễn Khắc Sơn</b>		
Bù trừ công nợ	-	500.000.000
Bù trừ tiền vay	-	1.000.000.000
Trả tiền đi vay	110.000.000	370.000.000
Nhận tiền đi vay	600.000.000	1.678.000.000
Trả tiền chuyển nhượng vốn góp	4.000.000.000	-
<b>Ông Phan Đình Toại</b>		
Bù trừ công nợ	-	4.005.800.000
Trả tiền đi vay	1.473.520.000	-
Nhận tiền đi vay	25.500.000.000	-

### 7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



**7.3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



*Phan Đình Toại*  
Phan Đình Toại  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Phan Anh Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyền  
Người lập biểu